

DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275–1.288 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SZC

MUA

↑ 8,04%

VND45.800

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (31/12) nhưng hoàn tất một năm tăng điểm mạnh.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index tiếp tục trải qua thêm một phiên điều chỉnh nhẹ và trong thế giằng co, không cho nhiều tín hiệu xác nhận về mặt xu hướng. Nhóm bluechips diễn biến khá phân hóa trong khi sắc đỏ lan rộng hơn tại nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang có phần bị giảm sút. Về kỹ thuật, VN-Index đang lùi dần về các vùng hỗ trợ ngắn hạn và cũng có tín hiệu chứng lại tại các mốc này, thêm vào đó, dòng tiền vẫn có sự phân hóa mạnh nên nhìn chung thị trường chưa có tín hiệu gì tiêu cực.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.544,22	-0,07	0,00
S&P 500	5.881,63	-0,43	0,00
Nasdaq	19.310,79	-0,90	0,00
VIX	17,35	-0,29	0,00
DAX	19.909,14	-0,38	0,00
FTSE 100	8.173,02	0,64	0,00
CAC40	7.380,74	0,92	0,00
Hang Seng	19.932,80	-0,63	-0,63

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	53,95	BUY
MACD (12,26)	4,93	BUY
ADX (14)	12,22	NEUTRAL
SMA5	1.272,17	SELL
SMA20	1.265,52	BUY
SMA50	1.252,99	BUY
SMA100	1.262,18	BUY
SMA200	1.259,87	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Trong thời gian từ 23-30/12, NHNN đẩy mạnh cho vay trên kênh cầm cố với tổng khối lượng 75 nghìn tỷ đồng, ở kỳ hạn 14 ngày (65 nghìn tỷ đồng) và kỳ hạn 7 ngày (10 nghìn tỷ đồng). Lãi suất ở cả 2 kỳ hạn cố định ở mức 4%/năm. Xen kẽ với hoạt động cho vay, nhà điều hành tiếp tục phát hành 30.800 tỷ đồng tín phiếu, ở 2 kỳ hạn 7 ngày (29.200 tỷ đồng) và 14 ngày (1.600 tỷ đồng). Lãi suất phát hành ở cả 2 kỳ hạn cũng cố định ở mức 4%/năm.
- Một số mặt hàng, dịch vụ tiếp tục được giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) đến ngày 30/6, theo Nghị định 180 do Chính phủ vừa ban hành. Theo Bộ Tài chính, việc kéo dài thời gian giảm VAT tới hết tháng 6 dự kiến làm giảm thu ngân sách khoảng 25.000 tỷ đồng. Trong đó, giảm ở khâu nội địa dự kiến 2.500 tỷ mỗi tháng và khâu nhập khẩu khoảng 1.500 tỷ.
- Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến hoạt động bán ròng kỷ lục từ khối ngoại, với tổng giá trị bán ròng trên toàn thị trường đạt hơn 92.000 tỷ đồng, mức cao nhất trong 24 năm hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- **NT2:** Năm 2024, sản lượng điện của NT2 ước đạt 2,72 tỷ kWh, đạt 85% kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 6.093 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch năm nhưng lợi nhuận trước thuế của NT2 ghi nhận hoàn thành mục tiêu năm với 76 tỷ đồng. So với năm 2023, doanh thu của NT2 giảm gần 5% còn lợi nhuận giảm tới 85%. Đây cũng là con số lợi nhuận thấp nhất kể từ 2014. Tính riêng quý IV, doanh thu của NT2 đạt 1.933 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ song lãi trước thuế giảm 76% còn 62 tỷ đồng.
- **DBC:** Ngày 27/12, Quỹ Pyn Elite Fund (Non-Ucits) mua thêm 2 triệu cổ phiếu DBC để nâng sở hữu từ 5,8% lên 6,4% vốn điều lệ. Trước đó, ngày 17/10, Quỹ Pyn Elite Fund (Non-Ucits) cũng đã bán ra 2 triệu cổ phiếu DBC; ngày 5/11, Quỹ Pyn Elite Fund (Non-Ucits) đã bán ra 1 triệu cổ phiếu DBC và tiếp tục bán ra thêm 1,1 triệu cổ phiếu DBC vào ngày 7/11.
- **HDC:** Hodeco thông qua việc thanh lý hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng sản phẩm tại dự án khu nhà ở Hải Đăng (The Light City) giai đoạn 1 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3/NQ-HĐQT ngày 10/1/2023 giữa Hodeco và CTCP Đầu tư & Xây dựng Hodeco do không thực hiện giao dịch.
- **VNM:** Hội đồng quản trị CTCP Sữa Việt Nam đã ban hành nghị quyết thông qua việc ngừng liên doanh tại Philippines. Doanh nghiệp cho biết vẫn tiếp tục hoạt động xuất khẩu tại Philippines. Đồng thời, Vinamilk và đối tác Del Monte Philippines vẫn cam kết nghiên cứu các cơ hội hợp tác khác trong tương lai gần.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.633,27	0,33	0,33
Dầu WTI	72,22	0,70	0,70
Dầu Brent	75,14	0,67	0,67
Than	125,25	0,56	-14,45
Đồng	8.768,00	-1,59	2,44
Quặng sắt	104,83	2,82	-23,99
Thép	472,50	0,11	-16,32

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,526	0,04	0,04
USD/JPY	157,55	-0,20	-0,22
USD/CNY	7,2985	0,01	0,01
EUR/USD	1,0356	0,00	0,02
GBP/USD	1,2519	0,02	0,02

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	548,82	152.500	1,33
HPG	273,11	26.650	-0,37
SSI	216,11	26.050	-1,51
MWG	275,13	61.000	0,00
HDB	234,89	25.500	-4,32

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	509.725,12	91.200	-0,87
BID	259.001,70	37.550	-1,83
FPT	224.338,05	152.500	1,33
CTG	202.985,69	37.800	-2,83
HPG	170.460,07	26.650	-0,37

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SZC

Khuyến nghị
Giá hiện tại
Giá mục tiêu
Tiềm năng tăng giá
Vùng tăng tỷ trọng
Ngưỡng cắt lỗ
MUA
42.400
45.800
8,02%
41.000–42.000
<40.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu của SZC tăng 15% so cùng kỳ khi đạt 641 tỷ đồng. Đối với mảng KCN, doanh thu 9T 2024 tăng 23% khi đạt 568 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng từ bàn giao cho SNZ và D2D lần lượt chiếm 30% và 23%.
- Biên lợi nhuận gộp tăng lên 52,1% trong 9T 2024 từ mức 46,1% trong 9T 2023, chủ yếu do giá bán trung bình tại KCN Châu Đức tăng (giá chào bán hiện tại khoảng 100 USD/m²). Lãi ròng 9T 2024 tăng 39% so cùng kỳ khi đạt 227 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SZC là một trong số các mã cổ phiếu giữ được xu hướng tăng ngắn hạn tích cực. Tuy nhiên, cổ phiếu đang chịu áp lực điều chỉnh khi tiến tới vùng cản quanh 44.000 đồng. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu SZC, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 41.000–42.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	859	818	165
LNTT (tỷ đ)	244	267	73
LNST (tỷ đ)	197	219	60
Nợ/VCSH (%)	172	154	79
ROE (%)	11,67	11,89	11,75
ROA (%)	3,30	3,29	3,87
EPS (VNĐ)	1.197	1.331	1604,46
P/E (lần)	15,0	27,5	26,43
P/B (lần)	1,71	3,08	2,52

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	51,44	BUY
MACD (12,26)	0,41	BUY
ADX (14)	25,36	BUY
SMA5	42.640	SELL
SMA20	42.820	SELL
SMA50	41.270	BUY
SMA100	39.140	BUY
SMA200	39.870	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			0,31%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			-0,57%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			-0,90%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			0,57%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			0,43%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			1,16%
7	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			3,57%
7	SZC	Mua	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			0,95%
8	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			0,97%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍👍 2

Khuyến nghị 20/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-(-15%-18%)
Chốt lời 2(50%)	21-22	-(-18-37%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2(50%)	Nằm giữ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2(50%)	25.6-26	-(-15%-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room